TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày 23 – 02 – 2021
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dẫm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cư.

2. Bà Võ Thị Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 376/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 11, ấp Long Thành, xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Đinh Thị Hồng V, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ 26, ấp Vĩnh Lợi 1, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh T và chị Đinh Thị Hồng V tự tìm hiểu và quen biết nhau trước, sau đó được sự đồng ý cha, mẹ hai bên dẫn đến kết hôn vào tháng 02 năm 2020, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 24 tháng 3 năm 2020 do Ủy ban nhân dân xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị Hồng V). Quá trình chung sống hạnh phúc, đến

tháng 3 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống chủ yếu về vấn đề tình cảm, vợ chồng thường xuyên cải vã dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn duy trì được nữa; từ khi anh T và chị V không còn chung sống thì anh T và chị V không hàn gắn tình cảm vợ chồng để chung sống lại với nhau, anh T và chị V không còn chung sống nhau từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay. Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn sống chung với nhau được và yêu cầu xin ly hôn với chị V.

- *Về con chung*: Không có.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Đinh Thị Hồng V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vân thống nhất như lời trình bày trên của anh T về thời gian kết hôn, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 3 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn như lời trình bày trên của anh T và không còn chung sống nhau từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay. Nay anh T yêu cầu ly hôn, chị V đồng ý ly hôn với anh T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị V có đơn yêu cầu hòa giải, xét xử vắng mặt. Lý do: Do đi làm ăn xa.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn, chị Đinh Thị Hồng V có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu:*

Về thủ tục tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28 Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 97, Điều 191, Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là chị V có đơn xin xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T với chị Đinh Thị Hồng V; về con chung: Không có; về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này giữa anh T và chị V có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn chị Đinh Thị Hồng V không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Đinh Thị Hồng V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 26, ấp Vĩnh Lợi 1, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị V tự tìm hiểu và yêu thương, sau đó được sự đồng ý cha, mẹ hai bên dẫn đến kết hôn vào năm 2020, có tổ chức lễ cưới, anh T và chị V đăng ký kết hôn vào năm 2020. Tại thời điểm kết hôn anh thiện và chị Vân đã đủ độ tuổi và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, anh T và chị V chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và không còn chung sống nhau từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay.

Hội đồng xét xử, xét thấy anh T và chị V phát sinh mâu thuẫn từ tháng 3 năm 2020, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, đã không còn chung sống nhau từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay; Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị V, lời trình bày tại biên bản lời khai chị V đồng ý thuận tình ly hôn với anh T. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị V.

[3] Về nuôi con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Nếu sau này giữa anh T và chị V có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng.

[6] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51 và Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị Hồng V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 24 tháng 3 năm 2020 do Ủy ban nhân dân xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho Nguyễn Văn T và Đinh Thị Hồng V không còn giá trị pháp lý.

2. *Về nuôi con chung*: Không có.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có. Nếu sau này giữa anh T và chị V có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Nguyễn Văn T chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005453 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu. Anh Nguyễn Văn T đã nộp án phí xong, chị V không phải chịu án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã Long An, thị xã Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Phạm Hữu Dẫm